

Gia đình hạnh phúc ở nông thôn Việt Nam hiện nay

(Qua khảo sát tại 3 xã ở Yên Bái, Thừa Thiên Huế và Tiền Giang)

Đỗ Thiên Kính

Viện Xã hội học

Tóm tắt: Dựa vào số liệu của dự án Nghiên cứu liên ngành về gia đình Việt Nam hiện nay (2004-2007) nhằm tìm hiểu về những thay đổi của gia đình nông thôn Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới, bài viết này tập trung xem xét những yếu tố quyết định đến hạnh phúc gia đình ở vùng nông thôn. Kết quả từ mô hình hồi quy logistic về các yếu tố tác động đến hạnh phúc gia đình cho thấy những nhân tố thuộc về đời sống hôn nhân và sự hòa hợp giữa hai vợ chồng giữ vai trò chủ yếu để nâng cao hạnh phúc gia đình. Điều này cho thấy trong gia đình nông thôn hiện nay việc duy trì hạnh phúc chủ yếu vẫn được dựa trên cơ sở tình yêu và sự hài lòng về cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng, cũng như giữa các thành viên khác nói chung.

Từ khoá: Gia đình; Gia đình nông thôn; Gia đình hạnh phúc.

1. Giới thiệu

Nghiên cứu này dựa trên cơ sở số liệu của dự án “*Nghiên cứu liên ngành về gia đình Việt Nam hiện nay (2004-2007)*”. Đây là dự án nhằm tìm hiểu về những thay đổi của gia đình nông thôn Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới. Mẫu nghiên cứu của dự án gồm 900 hộ gia đình. Các hộ gia đình được lựa chọn ở 3 xã, mỗi xã chọn 300 hộ. Ba xã thuộc 3 tỉnh đại

diện cho 3 miền Bắc (Yên Bái), miền Trung (Thừa Thiên Huế) và miền Nam (Tiền Giang) của Việt Nam. Phương pháp thu thập số liệu là sử dụng bảng hỏi soạn sẵn, thực hiện phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung. Thời gian thu thập số liệu được tiến hành vào 3 lần: năm 2004 (Yên Bái), năm 2005 (Tiền Giang), và năm 2006 (Thừa Thiên Huế).

Gia đình hạnh phúc trong nghiên cứu này chỉ đề cập đến những gia đình có đầy đủ cả hai vợ chồng. Nó được xác định dựa trên câu hỏi: “Nhìn chung, ông/bà có cho rằng gia đình của ông/bà là “Gia đình hòa hợp và hạnh phúc” không và ở mức độ nào?” Có 5 lựa chọn để trả lời cho câu hỏi này: (a) Gia đình tôi là gia đình rất hòa hợp và hạnh phúc; (b) Gia đình tôi là gia đình tương đối hòa hợp và hạnh phúc; (c) Gia đình tôi không phải là gia đình hòa hợp và hạnh phúc; (d) Khó trả lời; (e) Không biết. Việc xác định như thế nào là gia đình hạnh phúc hoàn toàn do người trả lời tự đánh giá.

2. Chân dung về những gia đình hạnh phúc ở nông thôn

2.1. Về gia đình hạnh phúc

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy có tới 97,4% gia đình hạnh phúc (gồm 48,1% hộ rất hạnh phúc và 49,3% hộ tương đối hạnh phúc), chỉ có 1,9% gia đình không hạnh phúc. Nhóm gia đình không hạnh phúc với số quan sát quá nhỏ (15 hộ), không đủ ý nghĩa để so sánh với các gia đình hạnh phúc còn lại. Do vậy, để làm rõ sự so sánh giữa nhóm hộ gia đình thực sự hạnh phúc với các nhóm còn lại, những *gia đình hạnh phúc* được xác định trong nghiên cứu này chỉ bao gồm phạm trù “Rất hạnh phúc” là 375 hộ gia đình. Những gia đình còn lại bao gồm những phương án trả lời như “Tương đối hạnh

Bảng 1. Những con số liên quan đến gia đình hạnh phúc

Mức độ hạnh phúc	Về gia đình hạnh phúc		Số con trung bình	Kiểu loại gia đình		
	%	N		Gia đình hạt nhân	Gia đình không hạt nhân	Tổng (%)
Rất hạnh phúc	48,1	375	2,2	65,9	34,1	100,0
Tương đối hạnh phúc	49,3	384	2,2	68,0	32,0	100,0
Không hạnh phúc	1,9	15	2,5	73,3	26,7	100,0
Không biết	0,6	5	-	-	-	-
Tổng số (%) và (N)	100,0	779	2,2			

Ghi chú: dấu - trong bảng, biểu thị số trường hợp quá nhỏ

phúc”, “Không hạnh phúc” và “Không biết” gọi là những *gia đình khác*. Việc xác định những gia đình hạnh phúc chỉ bao gồm phạm trù “Rất hạnh phúc” với hàm ý khẳng định chắc chắn gia đình đó thực sự hạnh phúc. Những gia đình còn lại, sự hạnh phúc đối với họ chưa thật chắc chắn.

2.2. Những đặc điểm về cá nhân

Trong phần sau đây sẽ lần lượt xem xét một số đặc điểm về gia đình hạnh phúc theo một số đặc điểm cá nhân của người trả lời như giới tính, tuổi, học vấn, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, nhằm có một chân dung về những gia đình rất hạnh phúc ở nông thôn.

Số liệu từ Bảng 2 cho thấy một số điểm như sau:

Đối với nhóm nam, tỷ lệ cho biết gia đình rất hạnh phúc cao hơn những

Bảng 2. Các đặc điểm cá nhân về người trả lời

Các đặc điểm cá nhân về người trả lời		Gia đình rất hạnh phúc	Gia đình khác	Tổng %	N
<i>Giới tính:</i>	- Nam	51,7	48,3	100	414
	- Nữ	44,1	55,9	100	365
<i>Tuổi:</i>	- Dưới 40	44,4	55,6	100	302
	- 40-44	48,9	51,2	100	131
	- 45-49	49,1	50,9	100	116
	- 50-54	52,5	47,5	100	80
	- 55-59	54,4	45,6	100	57
	- Từ 60 trở lên	50,5	49,5	100	93
	- Mù chữ/biết đọc, biết viết	41,7	58,3	100	48
<i>Học vấn:</i>	- Tiểu học	45,4	54,6	100	280
	- Trung học cơ sở (lớp 6 -> lớp 9)	49,4	50,6	100	336
	- Trung học phổ thông và cao hơn	53,9	46,1	100	115
<i>Dân tộc:</i>	- Kinh ^a	52,8	47,2	100	608
	- Dân tộc thiểu số	31,6	68,4	100	171
<i>Tôn giáo:</i>	- Không tôn giáo	45,2	54,9	100	474
	- Đạo Phật	59,8	40,2	100	204
	- Tôn giáo khác	38,0	62,0	100	100
<i>Nghề nghiệp:</i>	- Phi nông nghiệp	57,6	42,5	100	245
	- Nông nghiệp	43,8	56,3	100	528

^a Người Kinh là nhóm dân tộc đa số ở Việt Nam và thường cư trú ở vùng đồng bằng.

gia đình khác (51,7% so với 48,3%). Trái lại, trong nhóm nữ có tỉ lệ gia đình hạnh phúc là ít hơn những gia đình khác (44,1% so 55,9%). So sánh theo giới tính người trả lời cho thấy tỷ lệ người trả lời là nam giới cho biết gia đình rất hạnh phúc cao hơn so với là nữ (51,7% so với 44,1%).

Trong các nhóm từ 49 tuổi trở xuống, tỉ lệ gia đình hạnh phúc ít hơn những gia đình khác (44,4% so với 55,6%; 48,9% so với 51,2% và 49,1% so với 50,9%). Trái lại, trong các nhóm từ 50 tuổi trở lên, tỉ lệ gia đình hạnh phúc là nhiều hơn những gia đình khác (52,5% so 47,5%; 54,4% so với 45,6% và 50,5% so 49,5%). Có thể là do vào thời kỳ này, con cái đã trưởng thành, bố mẹ được nhàn rỗi hơn và mức sống kinh tế của gia đình cũng đầy đủ hơn, vì thế mà các gia đình cảm thấy hạnh phúc nhiều hơn. Xu hướng chung là tuổi của người trả lời càng cao thì cảm thấy gia đình hạnh phúc nhiều hơn, ví dụ từ 44,4% ở độ tuổi dưới 40, tỷ lệ này ở độ tuổi 40-44 là 48,9%, lên tới 52,5% và 54,4% ở độ tuổi trên 50.

Trong các nhóm có trình độ học vấn thấp (từ trung học cơ sở trở xuống), tỉ lệ gia đình hạnh phúc ít hơn những gia đình khác (41,7% ở nhóm so với 58,3%; 45,4% so 54,6% và 49,4% so với 50,6%). Trái lại, trong nhóm có trình độ học vấn cao (từ trung học phổ thông trở lên), tỉ lệ gia đình hạnh phúc là nhiều hơn những gia đình khác (53,9% so 46,1%). Như vậy số liệu cho thấy học vấn của người trả lời càng cao thì cảm thấy gia đình hạnh phúc nhiều hơn. Cụ thể, trình độ học vấn càng cao thì tỉ lệ gia đình hạnh phúc cũng tăng theo tương ứng: 41,7% ở nhóm học vấn mù chữ, tỷ lệ ở nhóm tiểu học đã lên tới 45,4%, ở nhóm học vấn trung học cơ sở là 49,4% và nhóm học vấn trung học phổ thông và cao hơn là 53,9%.

Đối với những đặc điểm còn lại của người trả lời: nhóm dân tộc Kinh, theo Phật giáo và nghề phi nông nghiệp có tỉ lệ gia đình hạnh phúc lớn hơn những gia đình khác như: 52,8% so với 47,2%; 59,8% so với 40,2% và 57,6% so với 42,5%.

Tóm lại, số liệu trên đây cho thấy giới tính của người trả lời là nam, nhóm tuổi và trình độ học vấn càng cao, thuộc dân tộc Kinh, theo đạo Phật và làm nghề phi nông thường có cuộc sống gia đình hạnh phúc hơn những người trả lời là nữ, tuổi và trình độ học vấn thấp, thuộc dân tộc ít người, không theo đạo Phật và làm nghề nông nghiệp. Như vậy, xem xét mối tương quan giữa những đặc điểm này với gia đình hạnh phúc, rất có thể chúng sẽ là những nhân tố tác động đến sự hạnh phúc của gia đình. Điều này sẽ được thực hiện trong mô hình hồi quy ở phần sau.

2.3. Một số yếu tố tác động khác

Phần sau đây sẽ tiếp tục xem xét một số yếu tố liên quan đến khía cạnh khác trong gia đình như mức sống, đời sống hôn nhân, phân công làm việc nhà trong mối tương quan với hạnh phúc gia đình (Bảng 3).

Kết quả từ Bảng 3 cho thấy:

Về cuộc sống vật chất, những gia đình có mức sống khá giả và người chồng có đóng góp nhiều nhất vào chi tiêu thường xuyên, thì tỉ lệ gia đình hạnh phúc lớn hơn những gia đình khác: 60,4% so 39,6% và 57,0% so với 43,0%. Như vậy xem xét mối tương quan giữa mức sống khá giả và chồng có đóng góp nhiều nhất vào chi tiêu hàng ngày với những gia đình hạnh phúc, rất có thể chúng sẽ là những nhân tố tác động đến hạnh phúc gia đình. Điều này sẽ được thực hiện trong mô hình hồi quy ở phần sau

Về cuộc sống hôn nhân, số liệu ở Bảng 3 cho thấy hai vợ chồng là người quyết định hôn nhân thì tỉ lệ gia đình hạnh phúc cũng lớn hơn (48,7%) so với 46,8% là bố mẹ quyết định là chính và so với 42,9% là những người khác. Điều này có thể là do hai vợ chồng quyết định kết hôn thì họ sẽ có đời sống hôn nhân hòa hợp hơn. Hoặc là, khi vợ chồng hài lòng với đời sống hôn nhân và không bao giờ cãi nhau thì tỉ lệ gia đình hạnh phúc sẽ lớn hơn (50% hài lòng so với 9,1% là không hài lòng; và 65,4% người không bao giờ cãi nhau có gia đình rất hạnh phúc so với mức cãi nhau thường xuyên là 49,3%, thỉnh thoảng là 33,3% và hiếm khi là 9,5%). Đặc biệt, khi vợ chồng không bao giờ cãi nhau thì tỉ lệ những gia đình hạnh phúc lớn hơn rất nhiều tỉ lệ những gia đình khác. Như vậy khi hai vợ chồng quyết định hôn nhân là chính và hài lòng với đời sống hôn nhân và không bao giờ cãi nhau, thì tỉ lệ gia đình hạnh phúc sẽ lớn hơn. Rất có thể đây cũng là những nhân tố tác động đến hạnh phúc gia đình. Điều này sẽ được thực hiện trong mô hình hồi quy ở phần sau.

Về phân công làm việc nhà, số liệu cũng cho thấy khi vợ là người chủ yếu đảm nhiệm hoặc mức độ cả hai vợ chồng làm chính các công việc nấu cơm, rửa bát và giặt giũ thì có tỉ lệ gia đình hạnh phúc cũng lớn hơn các trường hợp khác. Ví dụ, đối với những gia đình rất hạnh phúc thì tỷ lệ vợ là người đảm nhiệm công việc nấu cơm chính chiếm 50% và 46% gia đình là cả hai vợ chồng làm bằng nhau so với 35% gia đình việc nấu cơm do chồng làm chính và 43,6% là do người khác. Ở những công việc khác cũng cho thấy tình hình tương tự. Điều này cho thấy sự phân công lao động hợp lý giữa hai vợ chồng thì cuộc sống gia đình sẽ hạnh phúc hơn. Liệu đây có thể cũng là những nhân tố tác động đến sự hạnh phúc của gia đình.

Bảng 3. Một số yếu tố tác động đến hạnh phúc gia đình (%)

Các yếu tố tác động	Gia đình rất hạnh phúc	Gia đình khác	Tổng số	N
1. Về cuộc sống vật chất				
<i>Mức sống hộ gia đình</i>				
- Khá giả	60,4	39,6	100,0	144
- Trung bình	49,2	50,8	100,0	417
- Nghèo	38,1	61,9	100,0	218
<i>Người đóng góp vào chi tiêu thường xuyên trong gia đình</i>				
- Chồng là chính	57,0	43,0	100,0	100
- Vợ là chính	46,2	53,9	100,0	39
- Hai vợ chồng bằng nhau	46,2	53,8	100,0	500
- Khác	49,3	50,7	100,0	136
2. Về đời sống hôn nhân				
<i>Người quyết định cuộc hôn nhân của hai vợ chồng</i>				
- Bố mẹ là chính	46,8	53,2	100,0	201
- Vợ chồng là chính	48,7	51,3	100,0	571
- Khác	42,9	57,1	100,0	7
<i>Mức độ hài lòng với đời sống hôn nhân</i>				
- Hài lòng	50,0	50,0	100,0	744
- Không hài lòng	9,1	90,9	100,0	33
<i>Mức độ hay cãi nhau</i>				
- Thường xuyên	9,5	90,5	100,0	21
- Thành thoảng	33,3	66,7	100,0	267
- Hiếm khi	49,3	50,7	100,0	229
- Không bao giờ	65,4	34,6	100,0	260
3. Phân công việc nhà trong gia đình				
<i>Người giữ tiền chi tiêu</i>				
- Chồng là chính	46,5	53,5	100,0	71
- Vợ là chính	48,2	51,8	100,0	606
- Cả hai vợ chồng bằng nhau	52,0	48,0	100,0	75
- Người khác	40,7	59,3	100,0	27
<i>Người nấu cơm</i>				
- Chồng là chính	35,9	64,1	100,0	39
- Vợ là chính	50,0	50,0	100,0	570
- Cả hai vợ chồng bằng nhau	46,2	53,9	100,0	52
- Người khác	43,6	56,4	100,0	117
<i>Người rửa bát</i>				
- Chồng là chính	42,9	57,1	100,0	21
- Vợ là chính	49,1	50,9	100,0	546
- Cả hai vợ chồng bằng nhau	47,4	52,6	100,0	38
- Người khác	45,7	54,3	100,0	173
<i>Người giặt giũ</i>				
- Chồng là chính	47,4	52,6	100,0	19
- Vợ là chính	48,7	51,3	100,0	596
- Cả hai vợ chồng bằng nhau	42,3	57,7	100,0	52
- Người khác	47,8	52,3	100,0	111
4. Phân công lao động sản xuất và hoạt động xã hội				
<i>Người quyết định công việc sản xuất</i>				
- Chồng là chính	46,4	53,6	100,0	375
- Vợ là chính	39,2	60,8	100,0	125
- Cả hai vợ chồng bằng nhau	54,0	46,0	100,0	250
- Người khác	56,5	43,5	100,0	23
<i>Người quyết định mua đồ đạc đắt tiền</i>				
- Chồng là chính	45,5	54,6	100,0	286
- Vợ là chính	42,0	58,0	100,0	119
- Cả hai vợ chồng bằng nhau	52,9	47,1	100,0	350
- Người khác	45,5	54,6	100,0	22
<i>Người giữ vai trò về quan hệ trong gia đình và họ hàng</i>				
- Chồng là chính	48,0	52,0	100,0	298
- Vợ là chính	40,2	59,8	100,0	87
- Cả hai vợ chồng bằng nhau	49,7	50,3	100,0	376
- Người khác	60,0	40,0	100,0	15
<i>Người giữ vai trò về hoạt động xã hội chung của gia đình</i>				
- Chồng là chính	50,8	49,2	100,0	317
- Vợ là chính	36,3	63,8	100,0	80
- Cả hai vợ chồng bằng nhau	48,1	51,9	100,0	368
- Người khác	60,0	40,0	100,0	10

Việc phân công lao động sản xuất và hoạt động xã hội

Đối với công việc sản xuất, mua sắm đồ đạc đắt tiền và các quan hệ trong gia đình và họ hàng, khi cả hai vợ chồng cùng quyết định những công việc này thì có tỉ lệ gia đình hạnh phúc lớn hơn so với chỉ vợ (hoặc chỉ chồng) quyết định là chính. Cụ thể, các tỉ lệ so sánh tương ứng là: (54,0% so với 39,2%; 46,4%); (52,9% so với 42,0%; 45,5%); (49,7% so với 40,2%; 48,0%). Đối với các hoạt động xã hội chung của cả hai vợ chồng, khi người chồng quyết định những hoạt động này thì có tỉ lệ gia đình hạnh phúc lớn hơn so với chỉ vợ (hoặc cả hai vợ chồng) quyết định là chính (50,8% so với 36,3%; 48,1%). Liệu các hoạt động này cũng là những nhân tố tác động đến hạnh phúc gia đình. Điều này sẽ được thực hiện trong mô hình hồi quy ở phần sau.

3. Mô hình về những yếu tố quyết định gia đình hạnh phúc

Mặc dù đã xem xét mối tương quan giữa các nhân tố trong các Bảng 2 và Bảng 3 với gia đình hạnh phúc, nhưng số liệu từ hai bảng này để có khả năng ước lượng vượt quá về ảnh hưởng của từng nhân tố đến hạnh phúc gia đình. Ví dụ, khi người trả lời có trình độ học vấn cao thì mức sống của gia đình họ cũng cao. Tiếp theo lại thấy những gia đình hạnh phúc thì có mức sống khá giả và trình độ học vấn của chủ hộ cũng cao. Vậy, gia đình hạnh phúc là do có mức sống khá giả? Hay là do có trình độ học vấn cao? Ta có thể giải quyết vấn đề này bằng cách sử dụng đồng thời các biến số độc lập trong cùng mô hình hồi quy. Nó cho phép đo lường sự tác động trực tiếp của từng biến số với điều kiện giữ nguyên các ảnh hưởng của những biến số khác ở mức không đổi. Sau quá trình ước lượng và chọn lựa trong số các mô hình, ta có mô hình hồi quy logistic tốt nhất về gia đình hạnh phúc như sau:

Ở Bảng 4, biến số phụ thuộc là *gia đình hạnh phúc* của người trả lời. Biến số phụ thuộc này là biến nhị phân (binary variable), có hai giá trị là 0 hoặc 1. Biến số này bằng 1, nếu gia đình người trả lời là *gia đình hạnh phúc*, và bằng 0 nếu ngược lại. Các biến số độc lập của mô hình hầu hết được giữ nguyên như đã miêu tả trong các Bảng 2 và Bảng 3. Các biến độc lập đều là biến giả (dummy variables), có hai giá trị là 0 hoặc 1 (trừ biến số tuổi là biến liên tục). Với những biến số có ý nghĩa thống kê (P 10% - tức là những hệ số có dấu *, hoặc **), dấu âm của hệ số thể hiện sự tác động ngược chiều của biến số độc lập lên biến số phụ thuộc; dấu dương thể hiện sự tác động thuận chiều. Nói cách khác, nếu hệ số mang giá trị âm thì sự thay đổi của biến phụ thuộc bị giảm đi; hoặc nếu hệ số mang giá

trị dương thì sự thay đổi của biến phụ thuộc tăng lên. Ta chỉ phân tích những biến số có ý nghĩa thống kê. Khi xem xét tác động trực tiếp của mỗi biến độc lập lên biến phụ thuộc thì phải giới hạn với điều kiện các biến độc lập khác được giữ nguyên không đổi. Để hiểu cụ thể hơn về giá trị các hệ số, ta có thể xem xét những ví dụ minh họa bằng con số % ở cột cuối cùng trong Bảng 3. Những con số này là kết quả tính toán dựa trên cơ sở các hệ số của các biến độc lập. Cần nhớ rằng các gia đình đều có mức xác suất ban đầu là 48% để trở thành gia đình hạnh phúc. Bởi vì tỉ lệ *gia đình hạnh phúc* trong mẫu khảo sát là 48% (Bảng 1). Phân tích các biến số trong Bảng 4 như sau:

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy có 10 biến số có ý nghĩa thống kê. Trong đó, có 2 biến số tác động làm giảm sự hạnh phúc của gia đình. Đó là các biến số nghề nghiệp và vợ quyết định các hoạt động xã hội chung cho cả hai vợ chồng. Khi người trả lời làm nghề nông nghiệp, thì xác suất để là gia đình hạnh phúc đã giảm từ 48,0% xuống còn 35,3% so với hộ gia đình tương tự mà người trả lời làm nghề phi nông. Làm nghề phi nông sẽ có cuộc sống vật chất đầy đủ hơn và gia đình hạnh phúc hơn. Hoặc là, khi người vợ quyết định các hoạt động xã hội chung cho cả hai vợ chồng, thì xác suất để là gia đình hạnh phúc đã giảm từ 48,0% xuống còn 34,0% so với hộ gia đình tương tự mà người chồng (hoặc người khác) quyết định các hoạt động xã hội. Trong gia đình, người chồng thường có nhiều quyền lực hơn người vợ. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để hình thành gia đình vào thời điểm kết hôn và duy trì sự phát triển của gia đình về sau. Nếu người vợ nhiều quyền lực hơn chồng, thì sự hạnh phúc của gia đình có nguy cơ bị giảm sút.

Đối với những biến số có tác động làm tăng sự hạnh phúc của gia đình, các ví dụ minh họa cũng tương tự như trên. Cụ thể, xác suất để có gia đình hạnh phúc đã tăng từ 48,0% lần lượt lên tới 65,9% đối với dân tộc Kinh (so với dân tộc thiểu số), lên tới 63,8% đối với người theo đạo Phật (so với người không theo đạo Phật), lên tới 57,7% đối với hộ giàu khá (so với hộ trung bình, hoặc nghèo), lên tới 58,0% khi chồng đóng góp nhiều nhất vào chi tiêu (so với vợ, hoặc người khác đóng góp vào chi tiêu), lên tới 92,0% khi hai vợ chồng hài lòng với đời sống hôn nhân (so với những vợ chồng không hài lòng), lên tới 76,3% khi hai vợ chồng không bao giờ cãi nhau (so với những vợ chồng cãi nhau thường xuyên, hoặc thỉnh thoảng cãi nhau), lên tới 57,0% khi vợ là người làm công việc là nấu cơm chủ yếu trong nhà (so với chồng hoặc người khác cùng làm công việc này).

Nhìn vào những ví dụ về xác suất để có gia đình hạnh phúc, cho ta thấy

Bảng 4. Ước lượng mô hình hồi quy logistic về gia đình rất hạnh phúc

	Hệ số	Ước tính xác suất để có gia đình hạnh phúc (khi 1 biến độc lập thay đổi 1 đơn vị, các biến còn lại không đổi, và xác suất ban đầu là 48.0%) sẽ là:
Biến số phụ thuộc:		
Có phải gia đình rất hạnh phúc hay không? (Có = 1)		
Các biến số độc lập:		
1. Gia đình hạt nhân (Có = 1)	0,026	-
Đặc điểm của người trả lời:		
2. Giới tính (Nam = 1)	0,154	-
3. Tuổi	0,009	-
4. Học vấn (Trung học phổ thông và cao hơn = 1)	0,230	-
5. Dân tộc (Kinh = 1)	0,741**	65,9
6. Tôn giáo (Đạo Phật = 1)	0,646**	63,8
7. Nghề nghiệp (Nông nghiệp = 1)	-0,527**	35,3
Mức sống hộ gia đình:		
8. Hộ giàu khá (Giàu khá = 1)	0,391*	57,7
9. Chồng góp nhiều nhất vào chi tiêu (Có = 1)	0,401*	58,0
10. Vợ đóng góp nhiều nhất vào chi tiêu (Có = 1)	0,334	-
Đời sống hôn nhân của hai vợ chồng:		
11. Vợ và chồng cùng quyết định hôn nhân (Có = 1)	0,167	-
12. Vợ và chồng hài lòng với đời sống hôn nhân (Có = 1)	2,521**	92,0
13. Hai vợ chồng không bao giờ cãi nhau (Có = 1)	1,247**	76,3
Phân công việc nhà và quan hệ xã hội:		
14. Vợ và chồng giữ liên chi tiêu bằng nhau (Có = 1)	0,007	-
15. Vợ là người nấu cơm chủ yếu trong nhà (Có = 1)	0,360*	57,0
16. Vợ và chồng cùng quyết định mua đồ đạc đắt tiền trong gia đình (Có = 1)	0,472**	59,7
17. Vợ quyết định các hoạt động xã hội chung cho cả hai vợ chồng (Có = 1)	-0,584**	34,0
	Hằng số	-4,558
	Số quan sát	766
	R ²	0,14

Chú thích các hệ số: Dấu (**) thể hiện giá trị $P \leq 5\%$. Dấu (*) thể hiện giá trị P là: $5\% < P \leq 10\%$. Không dấu sao thể hiện giá trị $P > 10\%$ (hoặc gọi là không có ý nghĩa thống kê ở mức thông thường).

ý nghĩa được ẩn chứa đằng sau những con số. Cụ thể, người Kinh và theo đạo Phật có xác suất để là gia đình hạnh phúc khá lớn. Điều này có thể do triết lý đạo Phật đã dạy người ta sống lương thiện hơn. Mức sống gia đình khá giả cũng góp phần quan trọng củng cố sự hạnh phúc của gia đình. Khi

người chồng đóng góp nhiều nhất vào chi tiêu thì cũng góp phần làm tăng hạnh phúc gia đình nhiều hơn (so với người vợ, hoặc người khác đóng góp vào chi tiêu). Điều này thể hiện vai trò trụ cột kinh tế của người chồng đã quy định vai trò là trụ cột trong việc củng cố và duy trì hạnh phúc gia đình của anh ta. Đặc biệt, hai vợ chồng hài lòng với đời sống hôn nhân và không bao giờ cãi nhau thì xác suất để có gia đình hạnh phúc là rất lớn. Điều đó chứng tỏ những nhân tố thuộc về đời sống hôn nhân và sự phù hợp lẫn nhau giữa hai vợ chồng giữ vai trò chủ yếu để duy trì gia đình hạnh phúc. Kết quả từ mô hình này cũng cho thấy việc vợ là người nấu cơm chủ yếu trong nhà có mức ý nghĩa thống kê cho thấy vai trò nội trợ của người vợ trong việc duy trì gia đình hạnh phúc. Trên thực tế đây là công việc phần lớn do phụ nữ đảm nhiệm từ trước đến nay nhất là ở nông thôn Việt Nam.

Tóm lại, qua những trình bày và phân tích trên đây có thể miêu tả tóm tắt về gia đình hạnh phúc ở nông thôn Việt Nam như sau: Gia đình hạt nhân đang trở nên chiếm ưu thế và khoảng quá nửa (65,9%) gia đình hạnh phúc là gia đình hạt nhân. Tỷ lệ gia đình rất hạnh phúc ở nhóm gia đình hạt nhân là thấp hơn ở các gia đình khác. Tình trạng nghề nghiệp của hai vợ chồng trong gia đình rất hạnh phúc cũng tương tự như mẫu hình nghề nghiệp trong gia đình nông thôn nói chung (Đỗ Thiên Kính, 2007: 44). Nhưng, trong nhóm gia đình rất hạnh phúc tình trạng ưu thế về nghề nghiệp của người chồng nổi rõ hơn so với nhóm gia đình khác. Gia đình rất hạnh phúc có mức sống khá giả hơn những gia đình khác. Hoặc là, trong nhóm hộ gia đình có mức sống khá giả, thì tỷ lệ gia đình rất hạnh phúc lớn hơn những gia đình khác. Sự hòa hợp trong gia đình cũng là yếu tố ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Như vậy các kết quả rút ra từ nghiên cứu này cho thấy những nhân tố thuộc về đời sống hôn nhân và sự hòa hợp giữa hai vợ chồng giữ vai trò chủ yếu để nâng cao hạnh phúc gia đình. Điều này chứng tỏ rằng, để thực hiện chức năng trung tâm của gia đình hiện đại ở Việt Nam là nâng cao hạnh phúc cho các thành viên trong gia đình, thì chủ yếu là duy trì tình yêu và sự hài lòng về cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng, cũng như sự hòa hợp và hài lòng giữa các thành viên khác nói chung. ■

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Thiên Kính. 2007. “Mẫu hình việc làm và nghề nghiệp của cặp vợ chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam”. *Tạp chí Xã hội học*, số 3 (99).
- Ochiai, Emiko. 1997. *The Japanese Family System in Transition: A Sociological Analysis of Family Change in Postwar Japan*, Tokyo: LTCB International Library Foundation.